

Học viện Tiếng Nhật Syonan - Cơ sở Hamamatsu

Quy chế thực hiện chương trình giáo dục tiếng Nhật (Nội quy nhà trường)

Ban hành ngày 1 tháng 9 năm 2025

Chương 1: Các quy định chung

(Mục đích của trường)

Điều 1 Mục đích của trường là cung cấp chương trình giáo dục tiếng Nhật chất lượng cao, kết hợp văn hóa và lễ nghi, để những học sinh mong muốn theo học tại các trường nghề ở Nhật Bản có thể tìm được việc làm ổn định trong tương lai. Trường hướng đến việc thúc đẩy học tập tự chủ để học sinh có thể tích cực tham gia vào các khóa học chuyên ngành tại trường tương lai và đào tạo nguồn nhân lực có khả năng đóng vai trò tích cực trong cộng đồng quốc tế.

(Tên của Học viện)

Điều 2: Trường này được gọi là Học viện Tiếng Nhật Syonan Cơ sở Hamamatsu

(Tên tiếng Anh: Syonan Japanese Academy Hamamatsu Campus).

(Cơ cấu tổ chức)

Điều 3: Trường này có chương trình 2 năm để chuyển tiếp lên bậc giáo dục cao hơn và chương trình 1 năm 6 tháng để chuyển tiếp lên bậc giáo dục cao hơn.

(Địa điểm trụ sở chính)

Điều 4: Tòa nhà trường sẽ tọa lạc tại số 6095-1 Irino-cho, Quận Naka, Thành phố Hamamatsu, Tỉnh Shizuoka.

Văn phòng của trường sẽ tọa lạc tại số 6098 Irino-cho, Quận Naka, Thành phố Hamamatsu, Tỉnh Shizuoka.

Chương 2: Thời gian học, số ngày học và các ngày nghỉ

(Thời gian thực hiện)

Điều 5: Thời gian thực hiện các hoạt động đánh giá, v.v. trong chương trình giáo dục tiếng Nhật sẽ là từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3 của năm thứ hai tiếp theo đối với khóa học 2 năm để chuyển tiếp lên bậc giáo dục cao hơn, và từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 của năm thứ hai tiếp theo đối với khóa học 1 năm 6 tháng để chuyển tiếp lên bậc giáo dục cao hơn.

(Số ngày học và ngày nghỉ)

Điều 6: Số ngày mà trường này có thể tổ chức giảng dạy là số ngày trong năm trừ đi các ngày nghỉ.

2. Các ngày nghỉ được quy định như sau:

(i) Chủ nhật và thứ Bảy

(ii) Các ngày được quy định trong Luật về Ngày Lễ Quốc gia (Luật số 178 năm 1948)

(iii) Kỳ nghỉ hè (từ đầu tháng 8 đến cuối tháng 8)

(iv) Kỳ nghỉ thu (từ cuối tháng 9 đến đầu tháng 10)

(v) Kỳ nghỉ đông (từ cuối tháng 12 đến đầu tháng 1)

(vi) Kỳ nghỉ xuân (từ giữa tháng 3 đến đầu tháng 4)

3. Khi Hiệu trưởng thấy cần thiết, các ngày nghỉ được liệt kê tại khoản trên có thể được điều chỉnh tạm thời.

4. Ngoài các ngày nghỉ được quy định tại Khoản 2, hiệu trưởng có thể quyết định các ngày nghỉ tạm thời.

(i) Số tuần của các kỳ nghỉ hè, thu, đông và xuân có thể được điều chỉnh sao cho tổng số tuần học trong năm không dưới 40, bất chấp các quy định tại đoạn trước

(ii) Khi Hiệu trưởng nhận thấy điều đó là cần thiết về mặt giáo dục và không thể tránh khỏi.

Chương 3 Chương trình giảng dạy tiếng Nhật

(Thời gian bắt đầu và kết thúc giờ học)

Điều 7 Thời gian bắt đầu và kết thúc giờ học tại trường này được quy định như sau:

- (1) Giờ học buổi sáng: 9:00 sáng đến 12:30 trưa
- (2) Giờ học buổi chiều: 1:00 chiều đến 4:30 chiều
- (3) Thời lượng mỗi tiết học: 45 phút

(Chương trình giảng dạy tiếng Nhật)

Điều 8 Trường này sẽ cung cấp chương trình giảng dạy tiếng Nhật cho từng khối lớp như được thể hiện trong bảng sau. Thời gian học, trình độ tiếng Nhật mục tiêu (tham chiếu đến Trình độ tiếng Nhật được nêu trong "Khung tham chiếu cho giáo dục tiếng Nhật" của Tiểu ban Ngôn ngữ thuộc Hội đồng Văn hóa, ngày 12 tháng 10 năm 2021), số lượng học sinh, các môn học và số giờ học sẽ được quy định như sau.

| Chương trình giảng dạy tiếng Nhật, Tiếng Nhật | Thời gian học, | Trình độ ngôn ngữ, | Sức chứa, | Số lượng giáo viên, | Các môn học, | Giờ học |
|---|---------------------|--------------------|-----------|---------------------|--------------|------------|
| Khóa học nâng cao 2 năm | 2 Years | B2 | 160 | 4~6 | Total: | 1200 hours |
| | | | | | Kanji: | 260 hours |
| | | | | | Listening: | 80 hours |
| | | | | | Reading: | 60 hours |
| Khóa học nâng cao kéo dài 1 năm 6 tháng | 1 year and 6 months | B2 | 40 | 4 | Total: | 900 hours |
| | | | | | Kanji: | 160 hours |
| | | | | | Listening: | 80 hours |
| | | | | | Reading: | 60 hours |

(Phương thức tổ chức giảng dạy)

Điều 9: Để đáp ứng một cách thích hợp các yêu cầu của học viên, các cơ quan hành chính có liên quan và các bên liên quan khác, nhà trường sẽ tổ chức các khóa học thuộc chương trình giảng dạy tiếng Nhật phù hợp với mục đích và mục tiêu của học viên.

2. Sĩ số của các khóa học phải nằm trong giới hạn sĩ số được liệt kê trong bảng của điều trước.

(Tổ chức lớp học)

Điều 10 Các lớp học sẽ được tổ chức bằng cách chia những học viên đang theo học cùng một khóa học hoặc chương trình giáo dục tiếng Nhật vào cùng một thời điểm thành các nhóm có tối đa 20 người.

Chương 4: Chế độ đi học, về sớm, đến muộn, vắng mặt và vắng mặt đặc biệt

(Tham dự, ra về sớm, đến muộn, vắng mặt và vắng mặt đặc biệt)

Điều 11 Việc tham dự được công nhận khi học viên tham dự từ đầu đến cuối ngày học vào các ngày do trường quy định để tham dự (lớp học, sự kiện của trường, v.v.).

2 Nếu học viên ra về trước khi kết thúc ngày học, sẽ được coi là ra về sớm.

3 Nếu học sinh đến trường sau khi ngày học bắt đầu, sẽ được coi là đến muộn.

4 Tích lũy ba lần đến muộn và ra về sớm sẽ được coi là một lần vắng mặt.

5 Nếu học sinh đến muộn hơn 15 phút sau khi tiết học bắt đầu, hoặc ra về sớm hơn 15 phút trước khi kết thúc tiết học, sẽ được coi là vắng mặt.

6 Các trường hợp vắng mặt đặc biệt chỉ được tính là ngày hoặc giờ tham dự nếu thuộc một trong các trường hợp sau và được Hiệu trưởng phê duyệt.

(1) Thảm họa lớn

(2) Bệnh truyền nhiễm yêu cầu cách ly, như cúm

(3) Vắng mặt để tham gia kỳ thi tuyển sinh hoặc các buổi hướng dẫn của trường

(4) Các trường hợp khác mà Hiệu trưởng xác định là vắng mặt đặc biệt

Chương 5 Đánh giá kết quả học tập và Chứng nhận hoàn thành khóa học

(Đánh giá kết quả học tập)

Điều 12 Việc đánh giá kết quả học tập sẽ được tiến hành dựa trên các kỳ thi được tổ chức mỗi ba tháng cho từng khóa học trong chương trình giáo dục tiếng Nhật.

2. Các kỳ thi nêu tại khoản trên sẽ được đánh giá toàn diện dựa trên bài thi viết, điểm thi định kỳ, số điểm danh và tình trạng nộp bài tập, và sẽ được chấm theo thang điểm năm mức từ A đến E.

Thang điểm năm mức và thang điểm 100 tương ứng

A 90–100

B 80–89

C 70–79

D 60–69

E 0–59

3. Trong việc đánh giá quy định tại khoản 2, các điểm A, B, C và D được coi là đạt, còn điểm E được coi là trượt.

4. Trong trường hợp trượt, học viên sẽ phải tham gia các buổi học bù, thi lại, v.v., và nếu vượt qua các bài kiểm tra này, học viên sẽ được xếp loại D.

Chương 6: Tổ chức đội ngũ giảng viên và nhân viên

(Tổ chức đội ngũ giảng viên và nhân viên)

Điều 13 Trường này sẽ thành lập các vị trí giảng viên và nhân viên sau đây:

1. Hiệu trưởng
2. Sáu giảng viên toàn thời gian trở lên (bao gồm Trưởng khoa)
3. Mười giảng viên trở lên
4. Hai người phụ trách công tác hướng dẫn sinh viên trở lên
5. Quản lý hành chính
6. Ít nhất một nhân viên hành chính (không bao gồm quản lý hành chính)

2. Các giảng viên là giảng viên bán thời gian.

(Hiệu trưởng)

Điều 14 Hiệu trưởng chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của trường và giám sát giảng viên và nhân viên thuộc trường.

(Trưởng khoa)

Điều 15 Trong số các giảng viên chính thức, sẽ bổ nhiệm một Trưởng khoa chịu trách nhiệm về việc tổ chức chương trình giảng dạy và hướng dẫn các giảng viên khác.

(Hội đồng giảng viên)

Điều 16 Thành lập Hội đồng giảng viên nhằm góp phần thực hiện công việc một cách suôn sẻ.

2. Hội đồng giảng viên do Hiệu trưởng chủ trì.

Chương 7 Tuyển sinh, v.v.

(Tuyển sinh)

Điều 17 Những người có thể được tuyển sinh vào trường này là sinh viên quốc tế có mục đích nâng cao trình độ học vấn tại Nhật Bản và được Hiệu trưởng chấp thuận.

(Thời điểm bắt đầu tuyển sinh)

Điều 18 Về thời điểm bắt đầu tuyển sinh, khóa học nâng cao 2 năm bắt đầu vào tháng 4, và khóa học nâng cao 1 năm 6 tháng bắt đầu vào tháng 10.

(Thủ tục nhập học)

Điều 19 Thủ tục nhập học tại trường này được thực hiện như sau.

2. Thí sinh có nguyện vọng nhập học tại trường phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu vào đơn đăng ký và các tài liệu khác do trường quy định, đồng thời nộp trước thời hạn quy định.

3. Trường sẽ tiến hành quá trình tuyển chọn đối với những người đã hoàn thành các thủ tục tại khoản trên và xác định danh sách học sinh trúng tuyển.

4. Những người được nhận vào trường phải hoàn tất thủ tục nhập học trước thời hạn quy định, kèm theo khoản phí quy định tại Điều 24 và các tài liệu cần thiết (xem hướng dẫn đăng ký).

5. Nếu học sinh trúng tuyển chậm trễ việc nhập học vì lý do chính đáng, họ phải thông báo ngay cho nhà trường.

(Chuyển trường)

Điều 20: Người có nguyện vọng chuyển trường khỏi trường này phải thông báo ý định đó cho Hiệu trưởng, và việc chuyển trường sẽ được phép nếu nhận được sự đồng ý từ cả Hiệu trưởng và người đứng đầu cơ sở giáo dục mà học sinh chuyển đến.

2. Trong trường hợp trường không thể hoạt động do thiên tai hoặc các lý do khác, học sinh sẽ được hỗ trợ và khuyến khích chuyển sang cơ sở giáo dục liên kết.

(Rút học)

Điều 21: Người muốn rút học phải nêu lý do và được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

(Nghỉ học tạm thời)

Điều 22: Nếu học sinh muốn nghỉ học tạm thời từ bảy ngày trở lên do ốm đau hoặc các lý do bất khả kháng khác, phải nộp đơn xin nghỉ học nêu rõ lý do và thời gian nghỉ, kèm theo giấy chứng nhận y tế hoặc các tài liệu cần thiết khác, và được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

2. Học sinh muốn trở lại học sau khi nghỉ học có thể thông báo ý định đó cho Hiệu trưởng và trở lại học sau khi được Hiệu trưởng cho phép.

(Xác nhận lên lớp và tốt nghiệp)

Điều 23: Hiệu trưởng sẽ tiến hành đánh giá kết quả học tập cho từng môn học theo quy định trong chương trình giảng dạy tại Điều 12, và sẽ xác nhận học sinh được lên lớp nếu đạt điểm D trở lên ở tất cả các môn học.

2. Học sinh đã hoàn thành chương trình giảng dạy của trường, có tỷ lệ tham dự tích lũy từ 80% trở lên và đạt điểm D trở lên trong tất cả các học kỳ sẽ được cấp bằng tốt nghiệp và chứng chỉ tốt nghiệp.

3. Học sinh đã hoàn thành chương trình giảng dạy của trường và đạt điểm D trở lên trong tất cả các học kỳ, nhưng có tỷ lệ tham dự tích lũy dưới 80%, sẽ được cấp chứng chỉ nhập học và bảng điểm học tập.

Chương 8: Học phí, v.v.

(Học phí, v.v.)

Điều 24: Những người tham gia khóa học tiếng Nhật phải nộp các khoản phí được liệt kê trong bảng dưới đây.

○Khóa học hai năm nhằm chuẩn bị cho việc theo học bậc cao hơn (2027.4~)

| | 1st Year (At Enrollment) | 2nd Year | Tổng cộng |
|------------------------------|--------------------------|----------|------------|
| Phí đăng ký | ¥33,000 | ¥0 | ¥33,000 |
| Phí vào cửa | ¥55,000 | ¥0 | ¥55,000 |
| Học phí | ¥660,000 | ¥660,000 | ¥1,320,000 |
| Phí sách giáo khoa | ¥38,500 | ¥38,500 | ¥77,000 |
| Phí sử dụng cơ sở vật chất | ¥27,500 | ¥27,500 | ¥55,000 |
| Phí hoạt động ngoại khóa | ¥11,000 | ¥11,000 | ¥22,000 |
| Bảo hiểm trách nhiệm cá nhân | ¥3,000 | ¥3,000 | ¥6,000 |
| Phí quản lý sức khỏe | ¥3,300 | ¥3,300 | ¥6,600 |
| Các mục khác | ¥8,800 | ¥0 | ¥8,800 |
| Tổng cộng | ¥840,100 | ¥743,300 | ¥1,583,400 |

Bao gồm thuế tiêu dung

○Khóa học nâng cao 1 năm 6 tháng (2027.4~)

| | 1st Year (At Enrollment) | 2nd Year | Tổng cộng |
|------------------------------|--------------------------|----------|------------|
| Phí đăng ký | ¥33,000 | ¥0 | ¥33,000 |
| Phí vào cửa | ¥55,000 | ¥0 | ¥55,000 |
| Học phí | ¥660,000 | ¥330,000 | ¥990,000 |
| Phí sách giáo khoa | ¥38,500 | ¥19,250 | ¥57,750 |
| Phí sử dụng cơ sở vật chất | ¥27,500 | ¥13,750 | ¥41,250 |
| Phí hoạt động ngoại khóa | ¥11,000 | ¥5,500 | ¥16,500 |
| Bảo hiểm trách nhiệm cá nhân | ¥3,000 | ¥1,500 | ¥4,500 |
| Phí quản lý sức khỏe | ¥3,300 | ¥3,300 | ¥6,600 |
| Các mục khác | ¥8,800 | ¥0 | ¥8,800 |
| Tổng cộng | ¥840,100 | ¥373,300 | ¥1,213,400 |

Bao gồm thuế tiêu dung

(Hoàn trả học phí)

Điều 25: Những người ngừng tham gia chương trình hoặc khóa học tiếng Nhật giữa chừng sẽ được hoàn trả theo quy định tại Điều 49 về việc hủy bỏ giữa kỳ của Luật về các Giao dịch Thương mại Đặc biệt.

2. Trường hợp rút lui trước khi nhập học:

Số tiền đã nộp, không bao gồm lệ phí thi tuyển sinh, trừ đi 15.000 yên, sẽ được hoàn trả cho học viên hoặc người chi trả chi phí.

3. Nếu rút lui sau khi nhập học:

Số tiền đã nộp, trừ đi phí tuyển chọn và phí thi tuyển, sẽ được hoàn lại cho người chi trả chi phí.

4. Nếu thôi học:

Học phí, chi phí tài liệu giảng dạy, phí thiết bị, v.v. sẽ được tính theo tỷ lệ tương ứng, và đối với các chi phí khác, số tiền đã sử dụng trên cơ sở chi phí thực tế sẽ được hoàn lại cho người chi trả chi phí.

Chương 9: Khen thưởng và Kỷ luật

(Khen thưởng và Kỷ luật)

Điều 26: Hiệu trưởng có thể khen thưởng những học sinh đạt thành tích xuất sắc và là tấm gương cho người khác.

(Khai trừ)

Điều 27: Hiệu trưởng có thể thu hồi giấy phép nhập học hoặc khai trừ những người không nộp học phí và vẫn không nộp sau khi được nhắc nhở.

2. Hiệu trưởng có thể khai trừ những người không thể liên lạc được trong một thời gian dài.

3. Những người làm xáo trộn trật tự của cơ sở giáo dục hoặc vi phạm nghĩa vụ của học sinh và được coi là không có khả năng cải thiện có thể bị khai trừ.

Chương 10 Khám sức khỏe

(Khám sức khỏe)

Điều 28: Việc khám sức khỏe phải được tiến hành trong vòng một tháng sau khi nhập học mỗi khóa học và sau đó một năm một lần.

Chương 11 Ký túc xá

(Quy định về ký túc xá)

Điều 29: Các vấn đề liên quan đến ký túc xá sẽ được quy định riêng